

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 15- 8 - 2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Khâm

Ông Phạm Văn Độ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST - HNGĐ ngày 04/4/2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm: 1995.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ hiện nay: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/3/2019, bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị D trình bày:

Chị và anh Phạm Văn M đăng ký kết hôn ngày 12/3/2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu

thuần do anh M ham chơi, có quan hệ bất chính với nhiều phụ nữ khác. Từ tháng 12 năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị Quỳnh A - Sinh ngày 03/01/2016 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2019, bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ của anh Phạm Văn M) cung cấp: Anh M có biết việc chị D có đơn xin ly hôn, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải... và đã thông báo cho anh M những nội dung này nhưng do bận công việc nên anh M không đến Tòa án.

Bà M cũng xác nhận vợ chồng chị D, anh M có mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ tháng 12/2016 tới nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị Quỳnh A - Sinh ngày 03/01/2016 hiện đang ở với chị D.

Khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã trao đổi với anh M về việc chị D có đơn xin ly hôn. Anh M có quan điểm nhất trí ly hôn, đồng ý để chị D nuôi dưỡng con chung. Nhưng nếu chị D yêu cầu cấp dưỡng thì anh M đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, khoản nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở phiên tòa lần thứ hai và xét xử vụ án khi nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại các Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị D, anh M đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị D.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị D, giao cho chị D nuôi dưỡng con chung của vợ chồng, buộc anh M cấp dưỡng tiền

nuôi con chung theo quy định của pháp luật;

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn M nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở phiên tòa lần thứ hai và xét xử vụ án khi nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại các Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn M đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 tới nay. Nay chị D có đơn yêu cầu ly hôn.

Sau khi D có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị D cho anh M nhưng anh M không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của chị D, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2019, bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ của anh Phạm Văn M) cung cấp:

Anh Phạm Văn M có biết việc chị D có đơn xin ly hôn, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải... và đã thông báo cho anh M những nội dung này nhưng do bận công việc nên anh M không đến Tòa án để xuất trình chứng cứ.

Bà M cũng xác nhận vợ chồng chị D anh M có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 12/2016 tới nay. Khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã trao đổi với anh M về việc chị D có đơn xin ly hôn anh M có quan điểm nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị D và anh M đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm không còn, vì vậy quan hệ hôn

nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ được với nhau được nữa nên việc chị D xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc yêu cầu nuôi con chung HĐXX thấy: Chị D có đề nghị khi ly hôn được nuôi con chung của vợ chồng và yêu cầu anh M cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Anh M vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù được thông báo nhiều lần nhưng anh M không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung mà chỉ trao đổi qua bà M về nguyện vọng nuôi con chung, trách nhiệm cấp dưỡng. Hiện tại con chung của vợ chồng còn nhỏ, đang ở cùng chị D nên việc chị D nhận nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với việc chăm sóc giáo dục con chung nên được HĐXX chấp nhận. Anh M có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản, khoản nợ chung: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị D và anh M có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ thị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn M.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị D có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Quỳnh A - Sinh ngày 03/01/2016. Hiện cháu Phạm Thị Quỳnh A đang ở với chị D. Anh Phạm Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 8/2019 đến khi con chung là Phạm Thị Quỳnh A trưởng thành, tự lập.

Anh Phạm Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Vũ Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số BB/2012/05001 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn M phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Chị Vũ Thị D; anh Phạm Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- UBND xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà